

Số: /BNG-LPQT

Hà Nội, ngày tháng 7 năm 2026

V/v triển khai thực hiện Nghị định
số 227/2026/NĐ-CP về thúc đẩy tham gia
tổ chức, diễn đàn, mạng lưới hợp tác;
hội nhập quốc tế của địa phương;
khoán chi nghiên cứu phục vụ hội nhập
quốc tế và một số cơ chế, chính sách đặc
thù theo Nghị quyết số 250/2025/QH15

Kính gửi:¹

Ngày 24/6/2026, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 227/2026/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều về thúc đẩy tham gia tổ chức, diễn đàn, mạng lưới hợp tác; hội nhập quốc tế của địa phương; khoán chi nghiên cứu phục vụ hội nhập quốc tế và một số cơ chế, chính sách đặc thù theo Nghị quyết số 250/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội (sau đây gọi tắt là Nghị định). Nghị định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thực hiện chỉ đạo của Lãnh đạo Chính phủ tại Công văn số 6430/VPCP-QHQT ngày 03/7/2026, Bộ Ngoại giao tóm tắt và hướng dẫn một số nội dung của Nghị định như sau:

1. Tham gia tổ chức, cơ chế hợp tác, diễn đàn, mạng lưới hợp tác không thông qua việc ký kết điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế

1.1. Chương II Nghị định quy định về trình tự, thủ tục, hồ sơ trình cơ quan có thẩm quyền về tham gia, tạm đình chỉ hoặc chấm dứt việc tham gia tổ chức, cơ chế hợp tác, diễn đàn, mạng lưới hợp tác *không thông qua việc ký kết điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế* của Chính phủ, các bộ, cơ quan ngang bộ, UBND cấp tỉnh và UBND cấp xã.

Ví dụ: Để tham gia Mạng lưới các Thành phố Sáng tạo của UNESCO, thành phố cần lựa chọn một trong tám lĩnh vực sáng tạo (kiến trúc, thủ công mỹ nghệ và nghệ thuật dân gian, thiết kế, phim, ẩm thực, văn học, nghệ thuật truyền thông, âm nhạc) để dự thảo thư đề nghị tham gia, kèm theo kế hoạch hành động 4 năm và thư chấp thuận của Ủy ban Quốc gia UNESCO Việt Nam, gửi tới nền tảng trực tuyến của UNESCO trong thời hạn quy định để xem xét.²

1.2. Trình tự, thủ tục tham gia (các Điều 4 – 6) gồm 03 bước:

- Bước 1: Lấy ý kiến của Bộ Công an, Quốc phòng, Ngoại giao (đối với việc tham gia nhân danh Chính phủ, bộ, cơ quan ngang bộ, UBND cấp tỉnh)/Công an cấp tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự cấp tỉnh, cơ quan chuyên môn về

¹ Danh sách kèm theo.

² Các thành phố Việt Nam là thành viên của Mạng lưới các Thành phố Sáng tạo của UNESCO bao gồm: Hà Nội (2019), Hội An (2023), Đà Lạt (2023), TP. Hồ Chí Minh (2025).

đối ngoại cấp tỉnh (đối với việc tham gia của UBND cấp xã) và cơ quan, tổ chức có liên quan.

- Bước 2: Trình Thủ tướng Chính phủ (đối với việc tham gia nhân danh Chính phủ)/Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ (đối với việc tham gia của bộ, cơ quan ngang bộ)/Chủ tịch UBND cấp tỉnh (đối với việc tham gia của UBND cấp tỉnh và UBND cấp xã) quyết định về việc tham gia tổ chức, cơ chế hợp tác, diễn đàn, mạng lưới hợp tác trên cơ sở tiếp thu ý kiến của các cơ quan có liên quan.

Cơ quan quyết định việc tham gia tổ chức, cơ chế hợp tác, diễn đàn, mạng lưới hợp tác chịu trách nhiệm về quyết định của mình; trừ trường hợp có ý kiến khác của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng hoặc Bộ Ngoại giao thì không tham gia.

- Bước 3: Trên cơ sở quyết định của cơ quan có thẩm quyền ở Bước 2, tiến hành việc tham gia tổ chức, cơ chế hợp tác, diễn đàn, mạng lưới hợp tác và thông báo cho Bộ Ngoại giao (đối với việc tham gia nhân danh Chính phủ, bộ, cơ quan ngang bộ, UBND cấp tỉnh)/cơ quan chuyên môn về đối ngoại cấp tỉnh (đối với việc tham gia của UBND cấp xã) và các cơ quan, tổ chức có liên quan. Trong trường hợp tham gia nhân danh Chính phủ, nếu cần thiết, Bộ Ngoại giao sẽ cấp văn bản đối ngoại khẳng định sự tham gia của Chính phủ Việt Nam.

1.3. Hồ sơ lấy ý kiến và Hồ sơ trình về việc tham gia tổ chức, cơ chế hợp tác, diễn đàn, mạng lưới hợp tác thực hiện theo Điều 7 và Điều 8 của Nghị định.

1.4. Việc tham gia tổ chức, cơ chế hợp tác, diễn đàn, mạng lưới hợp tác bị chấm dứt, tạm đình chỉ (Điều 11) trong các trường hợp sau:

1.4.1. Theo điều lệ hoặc văn bản khác về tổ chức, hoạt động của tổ chức, cơ chế hợp tác, diễn đàn, mạng lưới hợp tác hoặc theo thỏa thuận giữa bên tham gia Việt Nam và bên tham gia nước ngoài.

Ví dụ: Điều lệ hoặc văn bản khác của tổ chức, cơ chế hợp tác, diễn đàn, mạng lưới hợp tác xác định rõ thời điểm tổ chức, cơ chế hợp tác, diễn đàn, mạng lưới hợp tác chấm dứt, tạm đình chỉ hoạt động; hoặc các thành viên của tổ chức, cơ chế hợp tác, diễn đàn, mạng lưới hợp tác nhất trí chấm dứt, tạm đình chỉ hoạt động của tổ chức, cơ chế hợp tác, diễn đàn, mạng lưới hợp tác.

1.4.2. Có sự vi phạm một trong các nguyên tắc quy định tại Điều 3 của Nghị định, bao gồm cả trường hợp nhận thấy việc tham gia tổ chức, cơ chế hợp tác, diễn đàn, mạng lưới hợp tác *không hiệu quả*.

1.5. Trình tự, thủ tục, hồ sơ lấy ý kiến, hồ sơ trình về việc chấm dứt, tạm đình chỉ việc tham gia tổ chức, cơ chế hợp tác, diễn đàn, mạng lưới hợp tác tương tự như khi đề xuất việc tham gia. *Nguyên tắc là cơ quan có thẩm quyền quyết định việc tham gia thì có thẩm quyền quyết định việc chấm dứt, tạm đình chỉ việc tham gia tổ chức, cơ chế hợp tác, diễn đàn, mạng lưới hợp tác đó.*

Trường hợp vi phạm nguyên tắc tại Điều 3 Nghị định thì không chỉ cơ quan đã đề xuất việc tham gia mà cơ quan phát hiện vi phạm cũng có quyền và nghĩa

vụ kiến nghị với cơ quan có thẩm quyền chấm dứt, tạm đình chỉ việc tham gia tổ chức, cơ chế hợp tác, diễn đàn, mạng lưới hợp tác.

2. Thí điểm thành lập văn phòng đại diện của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ở nước ngoài

2.1. Điều kiện thành lập, chấm dứt, tạm đình chỉ hoạt động (Điều 12)

2.1.1. Chính quyền địa phương cấp tỉnh thuộc nhóm 05 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có giá trị thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (đăng ký mới, điều chỉnh và vốn góp mua cổ phần) hoặc có kim ngạch xuất khẩu hàng hóa cao nhất cả nước trong năm trước đó hoặc thuộc *trường hợp đặc biệt khác* được thí điểm thành lập văn phòng đại diện của UBND cấp tỉnh ở nước ngoài thuộc nhóm 03 nước có vốn đầu tư trực tiếp hoặc có kim ngạch nhập khẩu hàng hóa cao nhất với tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hoặc thuộc *trường hợp đặc biệt khác* khi đáp ứng các điều kiện sau:

a) Phù hợp với đường lối, yêu cầu đối ngoại của Việt Nam và điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

b) *Phù hợp với nhu cầu, nguồn lực và không làm tăng tổng số biên chế của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.*

c) Có đề án cụ thể về việc thành lập và hoạt động của văn phòng đại diện.

Ví dụ: Tuy không thuộc nhóm 5 địa phương thu hút FDI hàng đầu hoặc có kim ngạch xuất khẩu hàng hóa hàng đầu cả nước nhưng có cơ hội tiếp nhận công nghệ chiến lược từ nước ngoài thì chính quyền địa phương vẫn có thể đề xuất thành lập văn phòng đại diện ở nước ngoài nếu việc này là cần thiết để thúc đẩy chuyển giao công nghệ.

2.1.2. Trên cơ sở thỏa thuận của các chính quyền địa phương, một văn phòng có thể đại diện cho hai hay nhiều UBND cấp tỉnh ở nước ngoài.

2.1.3. Chính quyền địa phương tự quyết định việc chấm dứt, tạm đình chỉ hoạt động của văn phòng đại diện UBND cấp tỉnh ở nước ngoài:

a) Nếu hoạt động của văn phòng đại diện không phù hợp với đường lối, yêu cầu đối ngoại của Việt Nam và điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên; gây ảnh hưởng tiêu cực về quốc phòng, an ninh, đối ngoại;

b) Các trường hợp khác do chính quyền địa phương quyết định và tự chịu trách nhiệm.

Ví dụ: Chính quyền địa phương có thể chấm dứt hoạt động của văn phòng đại diện nếu thấy không còn hiệu quả, không đáp ứng được mục tiêu đề ra.

2.2. Thủ tục thành lập

Chính quyền địa phương chỉ cần thông nhất ý kiến với 05 Bộ (Quốc phòng, Công an, Ngoại giao, Tài chính, Nội vụ) trước khi quyết định thành lập văn phòng đại diện của UBND cấp tỉnh ở nước ngoài.

2.3. Chức năng, nhiệm vụ, tổ chức và kinh phí, trụ sở, cơ sở vật chất của văn phòng đại diện của UBND cấp tỉnh ở nước ngoài được quy định cụ thể tại Điều 13 và Điều 14 của Nghị định.

*Văn phòng đại diện không phải là một bộ phận của Cơ quan đại diện Việt Nam tại quốc gia tiếp nhận, được tổ chức và hoạt động theo chế độ thủ trưởng, phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam, pháp luật quốc tế và pháp luật của quốc gia nơi đặt trụ sở của văn phòng đại diện, chịu sự chỉ đạo và quản lý của UBND cấp tỉnh và sự quản lý thống nhất về đối ngoại của Cơ quan đại diện Việt Nam tại quốc gia tiếp nhận (CQĐD Việt Nam chỉ đạo, hướng dẫn việc thực hiện thống nhất chính sách đối ngoại; thống nhất quản lý hoạt động thông tin đối ngoại; chủ trì hoạt động đối ngoại; thực hiện biện pháp thích hợp và báo cáo cho cơ quan có thẩm quyền về hoạt động của cơ quan, tổ chức Việt Nam; tổng kết, đánh giá hoạt động đối ngoại, kiến nghị biện pháp cần thiết nhằm bảo đảm thực hiện thống nhất chính sách đối ngoại của Nhà nước Việt Nam).*³

2.4. Thành viên (Điều 15)

Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, triệu hồi thành viên văn phòng đại diện; việc giao kết và chấm dứt hợp đồng lao động với người thường trú ở nước ngoài là thành viên văn phòng đại diện; việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Trưởng văn phòng đại diện.

Khuyến khích sử dụng người đang thường trú ở nước ngoài làm việc cho văn phòng đại diện trên cơ sở hợp đồng lao động.

3. Khoán chi nghiên cứu phục vụ hội nhập quốc tế

3.1. Nghị quyết số 250/2025/QH15 và Nghị định *cho phép áp dụng khoán chi đến sản phẩm cuối cùng đối với nhiệm vụ nghiên cứu phục vụ hội nhập quốc tế* với định mức như sau:

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên văn bản, nhiệm vụ	Tổng	Cơ quan có thẩm quyền cho ý kiến, phê duyệt, thông qua
1	Chiến lược về đối ngoại và hội nhập quốc tế	3.000	Bộ Chính trị
2	Đề án tổng kết các Nghị quyết của Bộ Chính trị liên quan đến đối ngoại, hội nhập quốc tế	2.500	Bộ Chính trị
3	Đề án tổng thể xử lý vấn đề trọng yếu về đối ngoại, hội nhập quốc tế	2.000	Bộ Chính trị

³ Điều 10 Luật Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài.

4	Đề án tổng kết các chỉ thị của Ban Bí thư liên quan đến đối ngoại, hội nhập quốc tế	1.500	Ban Bí thư
5	Đề án xử lý một hoặc một số vấn đề quan trọng về đối ngoại, hội nhập quốc tế	1.000	Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Quốc hội, Chính phủ
6	Báo cáo động thái, báo cáo nghiên cứu chính sách, thực tiễn, kinh nghiệm quốc tế	500	Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ
7	Nghiên cứu đề xuất và thúc đẩy thông qua sáng kiến tại các diễn đàn quốc tế, khu vực	300	Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội
8	Đề án, chiến lược, định hướng hội nhập quốc tế trọng tâm của bộ, ngành, địa phương	Tối đa 500	Chính phủ
		Tối đa 350	Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Chủ tịch UBND cấp tỉnh

Phương thức và định mức khoán chi nói trên không áp dụng với các nhiệm vụ nghiên cứu được thanh quyết toán theo quy định pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo hoặc pháp luật chuyên ngành khác.

Các nhiệm vụ nghiên cứu phục vụ hội nhập quốc tế được giao trước ngày 01 tháng 01 năm 2026 và được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, thông qua, ban hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 thì được chi trả, thanh, quyết toán theo định mức khoán chi nói trên.

3.2. Đối với khoán chi đến sản phẩm cuối cùng, cam kết bằng văn bản về sản phẩm cuối cùng (mục tiêu, số lượng, chất lượng, tiến độ) là cơ sở để đánh giá kết quả khi kết thúc và thanh quyết toán nhiệm vụ. Tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ được tự quyết định điều chỉnh giữa các khoản mục chi, nội dung chi, quyết định việc sử dụng kinh phí từ công lao động để thuê chuyên gia trong và ngoài nước theo mức kinh phí thỏa thuận; *không phải quyết toán chi tiết theo từng khoản mục, nội dung chi, quyết toán tổng số kinh phí thực hiện nhiệm vụ căn cứ vào kết quả đánh giá sản phẩm cuối cùng* (khoản 5 Điều 17 Nghị định).

3.3. Bộ, cơ quan ngang bộ, UBND cấp tỉnh thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu phục vụ hội nhập quốc tế được tự chủ, tự chịu trách nhiệm quyết định việc sử dụng kinh phí khoán và chịu trách nhiệm bảo đảm việc sử dụng kinh phí đúng mục đích, hiệu quả, tiết kiệm; lưu trữ chứng từ và chịu trách nhiệm giải trình khi cơ quan chức năng yêu cầu.

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch UBND cấp tỉnh có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn các đơn vị có liên quan thuộc bộ, cơ quan ngang bộ, UBND cấp tỉnh tổ chức xác định nội dung khoản chi và mức kinh phí khoán; theo dõi tiến độ thực hiện, kiểm tra đột xuất khi cần; đánh giá kết quả nghiệm thu dựa trên sản phẩm cam kết; xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm; kiểm điểm, làm rõ trách nhiệm người đứng đầu, các tập thể, cá nhân thuộc các bộ, cơ quan ngang bộ, UBND cấp tỉnh và các đơn vị quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước trong trường hợp cơ quan thanh tra, kiểm toán phát hiện có vi phạm trong quá trình thực hiện.

4. Các cơ chế, chính sách đặc thù khác

4.1. Dành quyền ưu đãi, miễn trừ, thuận lợi cho tổ chức quốc tế, văn phòng nước ngoài, phái đoàn đặc biệt (Điều 18)

4.1.1. Theo Điều 8 Nghị quyết số 250/2025/QH15 và Điều 18 Nghị định, Chính phủ được quyết định áp dụng các ưu đãi, miễn trừ cần thiết về thuế, phí, thị thực, giấy phép lao động, tiền thuê và tiền sử dụng trụ sở cho tổ chức quốc tế liên chính phủ được thành lập trên cơ sở điều ước quốc tế; tổ chức quốc tế có thành viên bao gồm Chính phủ và cơ quan, tổ chức, cá nhân; tổ chức quốc tế có tư cách pháp nhân và được công nhận có quy chế tương tự tổ chức quốc tế liên chính phủ theo pháp luật Việt Nam, pháp luật và thông lệ quốc tế; văn phòng được thành lập theo điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên; văn phòng của tổ chức do Nhà nước, Chính phủ nước ngoài thành lập; phái đoàn đặc biệt của quốc gia, tổ chức quốc tế liên chính phủ; khách mời của lãnh đạo Đảng, Nhà nước và Chính phủ

4.1.2. Cơ quan đề xuất là bộ, cơ quan ngang bộ tiến hành thủ tục lấy ý kiến của Bộ Ngoại giao, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Tư pháp và cơ quan, tổ chức có liên quan; trình Chính phủ quyết định.

4.2. Chương trình nghiên cứu Việt Nam (Điều 19)

4.2.1. Chương trình nghiên cứu Việt Nam do Bộ Ngoại giao chủ trì xây dựng và tổ chức thực hiện nhằm thúc đẩy việc nghiên cứu và lan tỏa tiếng Việt ở nước ngoài, việc tìm hiểu về đất nước, con người, văn hóa Việt Nam ở nước ngoài, tăng cường sự hiểu biết, tình cảm của nhân dân thế giới với Việt Nam cũng như củng cố sự gắn kết của cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài với quê hương, đất nước.

4.2.2. Bộ Ngoại giao chủ trì, phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các cơ quan, tổ chức có liên quan xây dựng kế hoạch thực hiện chương trình nghiên cứu Việt Nam hằng năm trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

4.3. Chương trình khách mời của Lãnh đạo Đảng, Nhà nước và Chính phủ (Điều 20)

4.3.1. Chương trình khách mời của lãnh đạo Đảng, Nhà nước và Chính phủ do Bộ Ngoại giao chủ trì xây dựng và tổ chức thực hiện nhằm nhân danh lãnh đạo chủ chốt và Bộ trưởng Bộ Ngoại giao mời lãnh đạo, nhân vật có khả năng ảnh hưởng của các nước trong lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, nghệ thuật, khoa học, công nghệ tới Việt Nam để tăng cường sự hiểu biết và quan hệ với Việt Nam.

4.3.2. Bộ Ngoại giao chủ trì, phối hợp với cơ quan, tổ chức liên quan xây dựng kế hoạch thực hiện chương trình khách mời hàng năm để trình cấp có thẩm quyền quyết định; xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu về khách mời; kiến nghị cấp có thẩm quyền các biện pháp duy trì và phát triển quan hệ với khách mời.

4.4. Tạo điều kiện cho doanh nghiệp Việt Nam hoạt động ở nước ngoài (Điều 21)

4.4.1. Doanh nghiệp Việt Nam ở nước ngoài được Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài hỗ trợ hoạt động; được khuyến khích thực hiện các biện pháp kinh doanh phù hợp với pháp luật sở tại và pháp luật Việt Nam.

4.4.2. Doanh nghiệp, doanh nhân Việt Nam có thể thành lập Hiệp hội thương mại Việt Nam ở nước ngoài (VietCham) theo quy định pháp luật của nước sở tại nhằm mục đích đại diện, bảo vệ, thúc đẩy quyền và lợi ích chính đáng của các thành viên trong quan hệ với nước sở tại; duy trì và phát triển môi trường kinh doanh thuận lợi cho các thành viên ở nước sở tại; thúc đẩy quan hệ thương mại, đầu tư giữa Việt Nam và nước sở tại; duy trì và phát triển quan hệ hợp tác với Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, các hiệp hội thương mại Việt Nam ở nước ngoài khác và các cơ quan, tổ chức liên quan.

4.5. Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho công dân Việt Nam tại cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài (Điều 22)

Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài được nhận hồ sơ xin cấp phiếu lý lịch của công dân Việt Nam ở nước ngoài, chuyển hồ sơ cho cơ quan có thẩm quyền của Bộ Công an trả lời và cấp Phiếu lý lịch tư pháp, tạo thuận lợi cho công dân Việt Nam ở nước ngoài không phải về nước làm thủ tục.

4.6. Triển khai dự án mua bất động sản và dự án xây dựng công trình của cơ quan Việt Nam ở nước ngoài (Điều 23)

4.6.1. Bộ trưởng các bộ có cơ quan ở nước ngoài có thẩm quyền quyết định và chịu trách nhiệm về việc mua bất động sản tại nước ngoài thuộc phạm vi quản lý của cơ quan mình theo trình tự, thủ tục dự án đầu tư công khẩn cấp

theo quy định của Luật Đầu tư công khi phát sinh nhu cầu ngoài danh mục đầu tư công trung hạn đã được phê duyệt.

4.6.2. Bộ trưởng các bộ có cơ quan ở nước ngoài được quyền quyết định và tự chịu trách nhiệm về trình tự, thủ tục chuẩn bị dự án, thực hiện và kết thúc dự án xây dựng công trình của cơ quan Việt Nam ở nước ngoài trong trường hợp pháp luật có liên quan của quốc gia tiếp nhận khác với nghị định, nghị quyết của Chính phủ nhưng vẫn phải tuân thủ luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

5. Tổ chức thực hiện

5.1. Trách nhiệm các bộ, cơ quan ngang bộ, UBND cấp tỉnh

a) Xây dựng kế hoạch dài hạn, kế hoạch hằng năm về việc tham gia tổ chức, diễn đàn, mạng lưới hợp tác và gửi Bộ Ngoại giao để theo dõi và tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ; kế hoạch hằng năm được gửi trước ngày 30 tháng 11 của năm trước.

b) Lưu trữ bản gốc văn bản khẳng định sự tham gia vào tổ chức, diễn đàn, mạng lưới hợp tác không thông qua việc ký kết điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

c) Báo cáo về tình hình thực hiện Nghị định này trước ngày 30 tháng 11 hằng năm hoặc khi có yêu cầu, gửi Bộ Ngoại giao để theo dõi và tổng hợp báo cáo Chính phủ.

d) Tuyên truyền, phổ biến Nghị định này tới cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc phạm vi quản lý.

5.2. Trong quá trình thực hiện Nghị định, nếu có vướng mắc, đề nghị thông tin về Vụ Luật pháp và Điều ước quốc tế, Bộ Ngoại giao theo đường công văn hoặc thư điện tử tới địa chỉ: lequanghung@mofa.gov.vn.

Bộ Ngoại giao xin trân trọng trao đổi./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng Lê Hoài Trung (để b/cáo);
- Các đơn vị: TCCB, CNV, HVNG, QTTV.
- Lưu: HC, LPQT (QH).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Lê Anh Tuấn

BỘ NGOẠI GIAO**DANH SÁCH CÁC CƠ QUAN GỬI CÔNG VĂN***(kèm theo Công văn số /BNG-LPQT ngày /7/2026 của Bộ Ngoại giao)***STT****Cơ quan, đơn vị****I Các cơ quan của Đảng, Quốc hội, Văn phòng Chủ tịch nước và các cơ quan khác**

1. Văn phòng Trung ương Đảng
2. Ủy ban Quốc phòng , An ninh và Đối ngoại của Quốc hội
3. Văn phòng Quốc hội
4. Văn phòng Chủ tịch nước
5. Tòa án nhân dân tối cao
6. Viện Kiểm sát nhân dân tối cao
7. Kiểm toán Nhà nước
8. Cơ quan Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam
9. Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam
10. Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI)

II Các Bộ, cơ quan ngang Bộ**III Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương**